

Số: 181/TTYT-KD

V/v yêu cầu báo giá VTYT, hóa chất

Lương Sơn, ngày 16 tháng 5 năm 2025

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Trung tâm Y tế huyện Lương Sơn có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu “Mua sắm vật tư y tế, hóa chất của Trung tâm Y tế huyện Lương Sơn” với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Y tế huyện Lương Sơn

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Bà Hoàng Tú Anh, trưởng khoa Dược-TTB-VTYT

Số điện thoại: 0974.862.999

3. Cách thức tiếp nhận báo giá theo 1 trong 2 cách sau:

- Nhận trực tiếp bản giấy (đóng dấu đỏ) của hãng sản xuất, nhà cung cấp tại địa chỉ: Bộ phận văn thư hoặc khoa dược-TTB-VTYT, thuộc trung tâm Y tế huyện Lương Sơn tại địa chỉ: Số 57 đường Tôn Thất Tùng, tiểu khu 12, thị trấn Lương Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

- Nhận qua email: Khoaduocbvlg@gmail.com

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08 giờ ngày 19/5/2025 đến trước 17 giờ 00 phút ngày 29/5/2025. Các báo giá nhận sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 180 ngày, kể từ ngày 29/5/2025.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục hàng hóa: Theo Phụ lục kèm theo.

Giá chào đã bao gồm các loại thuế, chi phí vận chuyển, lắp đặt, kiểm định, hiệu chuẩn, kiểm tra an ninh, an toàn, bảo trì, bảo hành (ghi rõ thời gian bảo hành), chi phí hướng dẫn vận hành, chuyển giao công nghệ và các chi phí khác.

2. Địa điểm cung cấp: Khoa dược-TTB-VTYT, Trung tâm Y tế huyện Lương Sơn.

Địa chỉ: Tiểu khu 12, thị trấn Lương Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Thời gian thực hiện là 12 tháng, phù hợp với kế hoạch lựa chọn nhà thầu và thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Tạm ứng: Không áp dụng.



- Thanh toán: Trong vòng 90 ngày làm việc sau khi bên bán hàng đã giao hàng, hoàn tất thủ tục thanh toán(Biên bản giao nhận, nghiệm thu hóa đơn tài chính hợp pháp đúng quy định và chứng từ thanh toán) theo phương thức chuyển khoản.

5. Mẫu báo giá: Trung tâm chấp nhận mẫu báo giá của cơ sở kinh doanh đầy đủ thông tin của sản phẩm báo giá theo quy định

Trung tâm Y tế huyện Lương Sơn kính mời các hãng sản xuất, nhà cung cấp quan tâm có đủ năng lực, kinh nghiệm chào giá hàng hóa.

Thư mời chào giá được đăng tải trên website của Trung tâm Y tế huyện Lương Sơn (<https://trungtamyteluongson.com.vn/>) và Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia (<https://muasamcong.mpi.gov.vn/>).

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD (để báo cáo);
- Website: <https://trungtamyteluongson.com.vn/>,
<https://muasamcong.mpi.gov.vn/>;
- Lưu: VT, K.Được



PHỤ LỤC
Danh mục vật tư y tế, hóa chất mời chào giá

STT	Tên hàng hóa	Đặc tính thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
1	Gel bôi trơn	• Gel bôi trơn được sử dụng để bôi trơn nội soi dạ dày, nội soi đại tràng, nội soi trực tràng, bôi trơn âm đạo... đã được tiệt trùng. Nó không gây ra dị ứng, không gây kích ứng da. Hòa tan được trong nước, dễ dàng làm sạch, không chứa tạp chất, dầu và chất nhờn. Không độc hại và không có mùi hôi. • Thành phần chính: Water; Glycerin; Monopropylen; Glycol; Hydroxyl ethyl cellulose; Methyl; Hydroxybenzoate; Citric Acid.	Tuýp	30
2	Gel siêu âm	Gel sử dụng trong siêu âm, phù hợp với tần số siêu âm đang sử dụng, Không có formaldehyde. Không gây mẫn cảm hoặc rát da. Gel trong, tan hoàn toàn trong nước, PH: 5-7,5; Vật chất biểu hiện: Dạng Gel; Không mùi vị. Màu xanh, không màu.	Lít	100
3	Giấy điện tim 6 cần	- Kích thước 110mm * 140mm * 143 tờ, chất liệu bằng giấy in nhiệt, loại không có dòng kẻ, tương thích với máy điện tim 6 cần hãng Nihon Koden, Fukuda	Tập	2880
4	Giấy in Monitor sản khoa	Kích thước 152x90x150mm	Tập	20
5	Hồng cầu mẫu	Hộp 3 lọ 10 ml hồng cầu khối	Bộ	10
6	Huyết áp điện tử	Kích thước : 126 x 85 x 57 mm (W x L x H) Trọng lượng : 193 gam (không bao gồm pin) Phương pháp đo: Oscillometric Cảm biến áp suất điện trở. Khoảng đo: DIA: 40-130mmHg; SYS: 60-230mmHg. Nhịp tim : 40 đến 170 mỗi phút. Phạm vi hiển thị áp suất vòng bít: <300mmHg. Độ chính xác: Áp suất trong khoảng ± 3 mmHg / nhịp tim $\pm 5\%$ giá trị đọc. Độ phân giải đo: 1 mmHg. Nguồn điện: 3 pin AA, 1,5 V ; AC adapter : 100-240V, AC 50 / 60HZ. Hỗ trợ cổng nguồn : 5V DC 1A Type C. Kích thước bao quần 8,7" - 15,7" (22 - 40 cm). Bộ nhớ: Tự động lưu 120 phép đo gần nhất cho 2 người dùng (tổng 240 kết quả). Cảnh báo nhịp tim bất thường, phát hiện lỗi cử động khi đo. Chức năng tính giá trị kết quả trung bình 3 lần đo gần nhất, tính chỉ số huyết áp theo tiêu chuẩn WHO. Tự động tắt nguồn: 60 giây. Vị trí đo bắp tay, đối tượng dùng người lớn. Phụ kiện kèm theo : 1 thân máy chính, 3 pin AA 1,5V, bao quần, túi đựng, hướng dẫn sử dụng kèm bảo hành	Chiếc	10

AN NHÂN DÂN

7	Máy đo huyết áp cơ	Máy đo huyết áp dùng cho người lớn. ĐẶC ĐIỂM: Nhiệt độ bảo quản: 20°C tới +70°C, Nhiệt độ hoạt động: 0°C tới 46°C. Độ phân giải đo: 2 mmHg. Độ chính xác: ± 3 mmHg. Nguồn bơm phồng: thể tích tối thiểu 200cc với áp lực 300mmHg từ 4 tới 10 giây. Dòng khí: 4 mmHg/phút. Lỗi do trễ: 0 mmHg tới 4 mmHg. Đồng hồ đo có quả bóp làm bằng chất liệu cao su, van xả khí được mạ Crom nhằm chống oxy hóa và có độ bền cao, mặt đồng hồ được làm bằng kính chịu lực cao cấp, có độ thẩm mỹ cao. Đồng hồ hiển thị kết quả chính xác, vạch chia từ 20 ~ 300mmHg, độ chính xác cao.	Cái	20
8	Lưỡi dao chính	Số 11	Cái	200
9	Nhiệt kế thủy ngân	Được làm từ thủy ngân trong suốt, bên trong có vạch chia độ và dải thủy ngân. Nhiệt độ đo được tối đa 35-42oC	Chiếc	200
10	Nước cất 2 lần	Nước cất tinh khiết không màu, không mùi, không vị. Can 5 lít	Can	10
11	Ống nghe tim phổi ALP K2	Ống nghe có hệ thống dây dẫn khí làm bằng chất liệu cao su cao cấp chống oxy hóa. Tai nghe có độ khuếch đại lớn, nghe êm không đau tai. Mặt nghe : gồm chuông và màng nghe, được thiết kế hai mặt; Ống nghe hai tai làm bằng đồng thau; Dây chữ Y làm bằng nhựa PVC;	Cái	20
12	Que đũa lưỡi gỗ đã tiệt trùng	Gỗ tự nhiên, thớ mịn, đồng nhất, không lõi, không cong vênh. Đạt độ cứng, nhẵn cao, an toàn trong sử dụng. Kích thước: $\geq 150\text{mm} \times 20\text{mm} \times 2\text{mm}$.	Chiếc	50000
13	Sáp Parafin	Nền parplast là một hỗn hợp tinh chế của parafin có độ tinh khiết cao dùng để đúc mẫu và xử lý mẫu thích hợp trước khi tiến hành cắt lát mỏng	Kg	50
14	Đèn đọc phim X quang	KT: 45cmx72cm; gồm 2 cửa đọc phim, sử dụng nguồn điện 200-220V	Cái	1
15	Cảm biến SpO2 dành cho máy monitor theo dõi bệnh nhân	Đầu 8 chân , đầu vuông	Cái	4
16	Cảm biến SpO2	Đầu 5 chân, đầu tròn	Cái	2
17	Bình làm ấm kèm đồng hồ cho bình oxy loại	Dung tích 250ml	Bộ	6

18	Mẫu chứng huyết thanh viêm gan B, viêm gan C	Mẫu chứng âm và mẫu chứng dương	ml	30
19	Kìm sinh thiết dùng trong nội soi dạ dày	Hiện trạng máy của đơn vị là Máy nội soi tiêu hóa hãng Fuji Film (Model LMD-2110MD) . Đường kính 2.4mm, chiều dài 1500mm, dùng cho dây nội soi có đường kính kênh dụng cụ từ 2.5mm trở lên	chiếc	2
20	Canuyn ngáng miệng dùng trong nội soi dạ dày	Đường kính trong CANUY (Rộng ≥ 25 mm,cao 21mm)	chiếc	2
21	Bo Điện cực của máy điện tim 6 cần Nihon Kohden	Núm điện cực máy điện tim có 2 vị trí cắm chui cáp điện tim, với 2 kích cỡ phổ biến. Tương tích với cáp máy điện tim 6 cần của đơn vị là máy điện tim 6 cần Nihon Kohden. Dùng làm điện cực hút, đặt trước ngực bệnh nhân khi đo điện tim. điện cực kim loại ≥ 21 mm, núm cao su ≥ 27 mm,	Cái	36
22	Bao cao su	Làm từ cao su tự nhiên latex; Hình dạng thẳng, có đầu chứa tinh dịch, thành bao trơn láng. Độ rộng ≥ 52 mm	chiếc	100
23	Hộp hấp bông Inox	Kích thước: 30 * 15cm; Làm bằng inox, không rỉ sét	cái	2
24	Hộp hấp bông Inox	Kích thước: 30 * 20cm; Làm bằng inox, không rỉ sét	cái	3
25	Tủ chứa dụng cụ vật tư y tế Inox	Chất liệu: Inox. Kích thước: $\geq 800 \times 400 \times 1600$ mm	chiếc	2
26	Bàn tiếp dụng cụ (Bàn Tít) Inox	Kích thước: $\geq 600 \times 400 \times 800$ mm; Làm bằng Inox không gỉ, không nhiễm từ. Kết cấu bàn vững chắc, không rung; Có bánh xe cao su để di chuyển; Chiều cao khay có thể thay đổi bằng tay vận.	chiếc	2

27	Đèn hồng ngoại	Công suất: 250w; Điện thế: Tùy thuộc vào bóng đèn; Dây nguồn: 3mø6.		10
28	Trụ cắm panh	Trụ cắm panh kéo inox 304 đường kính 5cm cao 12 - 14.5cm	Cái	4
29	Hộp đựng bông cotton	Hộp inox. Kích thước: 8.5 x 7 cm	Cái	10
30	Khay men	Rộng 13cm x Dài 21cm,	Cái	4
31	Giấy in nhiệt máy đo chức năng hô hấp	Đường kính cuộn giấy 11cm	Cuộn	20
32	Ống ngậm giấy máy đo chức năng hô hấp	Đường kính ống 30mm	Ống	100
33	Nhiệt ẩm kế cơ học	Kích thước: $\geq 130 \times 20$ mm; Phạm vi kiểm tra độ ẩm không khí trong nhà 10-100%, phạm vi nhiệt độ -30-50°C; Độ chính xác: Nhiệt độ $\pm 1^\circ\text{C}$, độ ẩm $\pm 5\%$.	cái	1
34	Xe đẩy Monitor	Kích thước: $\geq 320 \times 220$ mm; Đủ rộng để đặt monitor và các phụ kiện y tế cần thiết; Hệ thống khung làm bằng Inox chống gỉ; Có bánh xe dễ dàng di chuyển.	Cái	2
35	Cọc Truyền Y tế	Chất liệu: Inox không gỉ, có bánh xe để di chuyển dễ dàng. Kích thước : Cao 1200 – 2000 mm; Có móc treo để treo chai lọ;	Cái	5
36	Bao huyết áp các loại cho Monitor theo dõi bệnh nhân	Tương thích với phần lớn các dòng Monitor theo dõi bệnh nhân, Thông qua các chuẩn nút nối khác nhau. Sử dụng cho người lớn, trẻ em.	Cái	50
37	Mỏ vệt nhựa các cỡ	Mỏ vệt sản xuất từ nhựa PP nguyên sinh dùng trong y tế; Tiêu chuẩn: GMP - FDA, ISO 13485:2003, ISO 9001: 2008	Cái	100
38	Cloarmin B	Cloramin B dạng bột, hàm lượng Clo hoạt tính $\geq 25\%$. Đóng trong thùng bảo quản chắc chắn	kg	1000
39	Bộ rửa dạ dày kín	Bao gồm : 1 túi đựng dịch vào , 1 túi đựng dịch ra , kết nối với chạc nối chữ T qua hệ thống dây dẫn	Bộ	20
40	Mũ giấy phẫu thuật tiệt trùng	Vải không dệt polypropylen- Màu xanh đồng đều, không kích ứng da- tiệt trùng Màu xanh đồng đều, không loang bầm, ko dính tạp chất.Không kích ứng da 2.9g – 3.8g/ 1 cái. . Độ co giãn tốt. Tiệt trùng bằng khí EO.Gas	Cái	5000
41	Dung dịch acid acetic 3%	Chai 500ml	chai	2
42	Dung dịch Lugol 3%	Chai 500ml	Chai	2

43	Kim chích máu	Kim chích máu được sử dụng phải tương thích với máy hiện có tại Trung tâm là máy đường huyết Oncall-Plus và máy đường huyết Oncall-Vivid : Đầu kim vát 3 cạnh để giảm đau khi lấy máu. Kim được vô trùng.	Chiếc	5000
44	Khay quả đựng Inox	Kích thước: $\geq 215 \times 140 \times 25 \text{mm}$	Chiếc	20
45	Khay quả đựng Inox	Kích thước: $215 \times 140 \times 25 \text{mm}$	Cái	20
46	Test thử Morphin/ Heroin trong nước tiểu	Dạng dipstick, thực hiện trên mẫu nước tiểu tươi. Phát hiện morphin-heroin trên mẫu nước tiểu. Tiêu chuẩn CE. LOD 300 ng/ml.	Test	1500
47	Test thử ma túy 5 chân trong nước tiểu	Test nhanh xét nghiệm định tính, đồng thời Amphetamin, Marijuana (cần sa), Morphin, Codein, Heroin	Test	2000
48	Test chẩn đoán HBsAg	Phát hiện kháng nguyên bề mặt HBsAg trong mẫu huyết thanh, huyết tương. Độ nhạy: 100%, Độ đặc hiệu: 100%. Thành phần kit thử: miếng hấp thụ, màng nitrocellulose, miếng liên hợp và miếng mẫu. Vạch kết quả: protein kháng HbsAg. Vạch chứng: IgG kháng chuột/thỏ. Thẻ tích mẫu sử dụng là 60 μl . Bảo quản: Nhiệt độ thường. Ngưỡng phát hiện: 0,5 ng/ml	test	1800
49	Test chẩn đoán HIV	Phát hiện định tính các kháng thể HIV-1 và HIV-2 (virus gây suy giảm miễn dịch ở người) trong mẫu huyết tương/huyết thanh ở người để hỗ trợ chẩn đoán nhiễm HIV-1 & 2. Thành phần của bằng thử: Vạch thử: kháng nguyên tái tổ hợp HIV có độ tinh khiết cao (gp41 và gp120 đối với HIV-1 và gp-36 đối với HIV-2). Vạch chứng: IgG kháng chuột/thỏ ở dê. Độ nhạy: 100% và Độ đặc hiệu: $\geq 98\%$.	Test	1800
50	Test thử thai	Que thử xét nghiệm định tính hCG để phát hiện HCG trong nước tiểu của người	Test	200
51	Test viêm gan C	Test xét nghiệm phát hiện định tính kháng thể kháng virus viêm gan B (Hepatitis B Virus) và cho kết quả rất nhanh trong vòng 10 phút với độ nhạy > 99,9%.	Test	100
52	Test thử giang mai	Phát hiện định tính kháng thể đặc hiệu trong huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần người. Độ nhạy: 100% Độ đặc hiệu: 99,4%	Test	100
53	Test thử nước tiểu 10 thông số cho máy Mission U120 Urine Analyze	Hiện trạng máy nước tiểu 10 thông số của Trung tâm là máy Mission U120 Urine Analyze. Đo các chỉ số : Leukocytes, Nitrite, Urobilinogen, Protein, pH, Blood, Specific Gravity, Ketone, Bilirubin, Glucose (LEU/ NIT/ URO/ PRO/ pH/ BLO/ SG/ KET/ BIL/ GLU). Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE, FDA	Test	20000
54	Dung dịch làm test HP dạ dày dùng	Thuốc thử sinh hóa phát hiện vi khuẩn Helicobacter pylori từ mẫu bệnh phẩm sinh thiết dạ dày (vùng thân vị, hang vị, môn vị), thực quản, tá tràng hoặc môi trường nuôi cấy.	Test	50

	trong nội soi tiêu hóa			
55	Khí CO2 dùng trong y tế	Dung tích: 40 lít; khối lượng khí: (25 ±0,5)kg/bình; Độ tinh khiết CO2 ≥ 99,9% (tt/tt) Tiêu chuẩn ISO 9001-2015	Bình	2
56	Oxy được dùng	Chất lượng: ≥ 99,6% Thể tích khí chứa trong chai (m3): 6 Áp suất nạp (Bar): 150 Áp suất thường (Bar): 130 Van đầu ra: QF-2, QF-2C Chai chứa: Dung tích 40 lít, màu xanh da trời, sơn chữ thập đỏ, chữ OXY	Bình	5
57	Oxy được dùng	Chất lượng: ≥ 99,6% Thể tích khí chứa trong chai (m3): 1,5 Áp suất nạp (Bar): 150 Áp suất thường (Bar): 130 Van đầu ra: QF-2, QF-2C Chai chứa: Dung tích 10 lít, màu xanh da trời, sơn chữ thập đỏ, chữ OXY	Bình	8
58	Kẹp Răng chuột	14cm	Cái	24
59	ẹp sáng mô (A sáng)	11cm	Cái	20
60	Cán dao	Số 4	Cái	12
61	Cán dao	Số 3	Cái	2
62	Thông long máng		Cái	2
63	Kẹp chắp	97mm	Cái	2
64	Que nạo chắp	3-2,5mm	Cái	2
65	Lật mí	110mm	Cái	2
66	Hộp Inox chữ nhật	21x12x5cm	Cái	20
67	Hộp Inox chữ nhật	24x17x5cm	Cái	10
68	Hộp Inox chữ nhật	31x20x5cm	Cái	2
69	Kéo metz	14cm	Cái	2
70	Đèn quang trùng hợp	Dùng trong	Cái	1
71	Kẹp gấp nha khoa		Cái	20
72	Cán gương tròn		Cái	20
73	Thăm thăm tròn		Cái	1
74	Cây hàn inox 2 đầu dẹt		cây	1
75	Cây hàn vàng chống dính		Cái	1
76	Cây hàn inox 2 đầu tròn to nhỏ		cây	2
77	Ống hút		Gói	6
78	Fuji IX		Hộp	1

	A3GC (9 to : 15g bột + 8g nước)			
79	Nhộng lỏng		Nhộng	10
80	Nhộng đặc		Nhộng	10
81	Keo dán 2 bước 3M/(6g)		Chai	1
82	Acit Fine Etching, tuýp/5ml		Tuýp	3
83	Giấy căn GC đỏ		Hộp	1
84	Cortisomol 23g		Lọ	1
85	Oxit Kẽm		Lọ	1
86	Eugenol		Hộp	1
87	Gutta các số	Số 15-40	Hộp	15
88	Gutta 4%	số 25 màu đỏ	Hộp	5
89	Kim tiêm NOP No pain Spident	27 G-S (0.4 x21mm)	Hộp	1
90	Bơm tiêm áp lực	2.2 ml	Cái	1
91	Lentulo đỏ	dài 21mm	Vi	3
92	Nong	số 8 dài 21mm	Vi	3
93	Rũa	số 8 dài 21mm	Vi	2
94	Nong	số 10 dài 21mm	Vi	3
95	Rũa	số 10 dài 21mm	Vi	2
96	Nong	số 15 dài 21mm	Vi	3
97	Rũa	số 15 dài 21mm	Vi	2
98	Nong	số 20 dài 21mm	Vi	3
99	Rũa	số 20 dài 21mm	Vi	2
100	Nong	số 25 dài 21mm	Vi	2
101	Rũa	số 25 dài 21mm	Vi	2
102	Nong	số 30 dài 21mm	Vi	2
103	Rũa	số 30 dài 21mm	Vi	2
104	Mũi Khoan các loại		Mũi	100
105	Dầu xịt tay khoan	Chai 550ml	Chai	1
106	Dung dịch sát khuẩn (Camphenol)		Hộp	1
107	Chất hàn tạm Ceivitron		Hộp	3
108	Nụ đánh bóng		Hộp	1

	sứ 2 trong 1			
109	Bôi trơn ống tùy		Tuýp	2
110	Cọc đánh bóng		Cái	200

